

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2025/HNGĐ – ST**

Ngày: 14/07/2025

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Chín;

2. Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chính C, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn B, xã Ngh, tỉnh Đồng Nai)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Th; sinh năm: 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn B, xã Ngh, tỉnh Đồng Nai)

Nơi cư trú: đường Trần Hưng Đ, phường T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước (đường Trần Hưng Đ, phường B, tỉnh Đồng Nai)

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Chính C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị Hồng Th tự nguyện chung sống, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01/05, ký ngày 29/8/2005. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp,

không có chung chí hướng làm ăn. Anh và chị Nguyễn Thị Hồng Th nhiều lần xảy ra việc cãi vã. sau mỗi lần cãi vã thì chị Nguyễn Thị Hồng Th bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình. Sự việc này xảy ra thường xuyên. Đến khoảng tháng 6 năm 2023 thì vợ chồng xảy ra tranh cãi và chị Nguyễn Thị Hồng Th bỏ nhà đi. Từ đó, anh và chị Nguyễn Thị Hồng Th sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy đôi bên không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án nhân dân cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Th.

Về con chung: anh và chị Nguyễn Thị Hồng Th có hai con chung là Nguyễn Thu Th, sinh ngày: 24/7/2006 và Nguyễn Thu Th1, sinh ngày: 7/6/2015 Nguyên vọng của anh sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hồng Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Chính C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2005. Trong cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp, thường xuyên cãi vã, cự cãi. Thời gian xảy ra sự việc từ rất lâu. Lý do của việc cãi vã là về công việc làm ăn, về một số vấn đề trong cuộc sống. Sau đó hai bên nói chuyện và thống nhất sống ly thân thời gian để xem xét lại mâu thuẫn nhưng cuối cùng vẫn không hàn gắn được. Chị và anh Nguyễn Chính C sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Hiện nay, các bên không còn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Chính C.

Về con chung: chị và anh Nguyễn Chính C có hai người con chung tên là Nguyễn Thu Th, sinh ngày: 24/7/2006 và Nguyễn Thu Th1, sinh ngày: 7/6/2015. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao hai con cho anh Nguyễn Chính C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chính C về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Th.

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Thu Th1 cho anh Nguyễn Chính C trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Nguyễn Thu Th đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Hồng Th (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Hồng Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Chính C và chị Nguyễn Thị Hồng Th đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01/05, ký ngày 29/8/2005. Lời khai của anh Nguyễn Chính C và chị Nguyễn Thị Hồng Th phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 3). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Chính C và chị Nguyễn Thị Hồng Th là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Nguyễn Chính C: quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Chính C và chị Nguyễn Thị Hồng Th đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng với nhau. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng trong công việc làm ăn, phát triển kinh tế và một số vấn đề khác nảy sinh trong cuộc sống nhưng đôi bên đều không nhường nhịn, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn này. Hiện nay, anh Nguyễn Chính C và chị Nguyễn Thị Hồng Th đều có yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài thể hiện qua việc anh Nguyễn Chính C và chị Nguyễn Thị Hồng Th sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Hai bên đều không có thiện chí hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Chính C.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Nguyễn Chính C khai nhận anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thu Th, sinh ngày: 24/7/2006 và Nguyễn Thu Th1, sinh ngày: 7/6/2015. Lời khai của chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Nguyễn Chính C phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Xét, cháu Nguyễn Thu Th1 còn nhỏ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Trong thời gian vừa qua cháu Nguyễn Thu Th1 được anh Nguyễn Chính C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hồng Th có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Thu Th1 cho anh Nguyễn Chính C trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, cháu Nguyễn Thu Th1 cũng có nguyện vọng được cha (anh Nguyễn Chính C) trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Thu Th1, đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý cho cháu Nguyễn Thu Th1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Thu Th1 cho anh Nguyễn Chính C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Nguyễn Chính C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thu Th đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Nguyễn Chính C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Nguyễn Chính C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn anh Nguyễn Chính C phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chính C. Anh Nguyễn Chính C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01/05, ký ngày 29/8/2005 của Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu Th1, sinh ngày: 7/6/2015 cho anh Nguyễn Chính C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Thu Th, sinh ngày: 24/7/2006 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Nguyễn Chính C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Nguyễn Chính C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Nguyễn Chính C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Chính C phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009670 ký ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Nai) (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh